

xìng míng 姓名 name: _____ bān jí 班级 class: _____

食物 Level 2

Listen and choose. 听和选择。

1. nǐ zǎo fàn yī bān chī shén me
你早饭一般吃什么?

wǒ zǎo fàn yī bān chī
我早饭一般吃



A.



B.



C.



D.



2. nǐ men zǎo fàn yī bān chī shén me
你们早饭一般吃什么?

wǒ men zǎo fàn yī bān chī
我们早饭一般吃



(Multiple choice)

A. bāo 包子

B. miàn tiáo 面条

C. zhōu 粥

D. yóu tiáo 油条

3.  ā lǐ wǔ fàn yī bān chī shén me
阿里午饭一般吃什么?

A. niú ròu 牛肉

B. yáng ròu 羊肉

C. hǎi xiān 海鲜

D. hàn bǎo 汉堡